TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số:78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 8-2023
V/v: "*Ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Đình Như

2.Ông Trần Trọng Vĩnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:70/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị C, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: Ông Điểu N, sinh năm 1979
Địa chỉ: Tổ 3, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Thị C trình bày:* Bà Thị C và ông Điểu N sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lo lắng chăm sóc, yêu thương và tôn trọng nhau. Bà Chép thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án

giải quyết cho ly hôn ông Điểu N. Về con chung: Bà Thị C với ông Điểu N có một con chung tên Điểu D, sinh năm 2016 khi ly hôn bà Chép được nguyện vọng nuôi con chung cháu Điểu D. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Điểu N trình bày: Ông Điểu N và Thị C sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay bà Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vơi ông Noi, ông Noi đồng ý yêu cầu ly hôn theo với bà Thị C. Về con chung: Ông Điểu N với bà Thị C có một con chung tên Điểu D, sinh năm 2016, khi ly hôn ông Điểu N đồng ý giao con chung cháu Điểu D cho bà Thị C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Noi với bà Thị C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị C: Ghi nhận tự nguyện của các đương sự bà Thị C và ông Điểu N thuận tình ly hôn;

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Điểu D, sinh năm 2016 cho bà Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Điểu N, cư trú tại: Tổ 3, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Thị C, ông Điểu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có đơn đề nghị nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị C thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Thị C và ông Điểu N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 6 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã An Khương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thị C, ông Điểu N đều xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, do vợ chồng không còn có tình cảm, không chung sống cùng nhau, không quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Thị C và ông Điểu N thuận tình ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

- *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cháu Điểu D, sinh năm 2016 cho bà Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn bà Thị C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị C

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thị C và ông Điểu N (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 21/10/2016 của Ủy ban nhân dân xã An Khương, huyện H, tỉnh Bình Phước).

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung cháu Điểu Phước, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2016 cho bà Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành tự lao động được.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4.*Về tài sản chung*: Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

5 Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét

6. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Hòa đã nộp theo biên lai thu số 0014463 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG QUỐC THÀNH